TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/HS-ST
Ngày 11-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Vân.
Ông Đàm Đình Lập.
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2024/HSST-QĐ ngày 23/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phùng Quang S**, tên gọi khác: không có, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1985 tại huyện C, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Tổ B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm T8; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Quang C (đã chết) và bà Phùng Thị X, sinh năm 1965; có vợ là Nông Thị T, sinh năm 1990 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2023 đến ngày 12/01/2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. Ngày 12/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam sang B lĩnh. Hiện nay bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú Có mặt.

2. Họ và tên: **Phùng Thị H**, tên gọi khác: không có, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1996 tại huyện C, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKHKTT: thôn Đ, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội; chỗ ở: Tổ B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Giám đốc Trung tâm T8.; trình độ văn hóa: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ, tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Huy M, sinh năm 1967 và bà Phùng Thị V, sinh năm 1973; chồng Phùng Quang T1, sinh năm 1990 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có.

Hiện nay bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú; Có mặt.

3. Họ và tên: **Phùng Tòn N**, tên gọi khác: không có, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1988 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Công chức Phòng Kinh tế hạ tầng huyện N; trình độ văn hoá: lớp 12/12 phổ thông; dân tộc: Dao; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Kiềm Q, sinh năm 1965 và bà Lý Mùi K, sinh năm 1962; có vợ là Hoàng Mùi T2, sinh năm 1986 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có.
Hiện nay bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: **Nông Văn D**, tên gọi khác: không có, sinh ngày 14 tháng 5 năm 1967 tại huyện N, tỉnh Cao Bằng;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Bí thư Đảng ủy xã H, huyện N (nguyên Trưởng phòng Kinh tế hạ tầng huyện N); trình độ văn hoá: lớp 10/10 phổ thông; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Đức N1 và bà Nguyễn Thị T3 (đều đã chết); có vợ là Tô Thị P, sinh năm 1970 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có;

Hiện nay bị cáo tại ngoại tại nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N, tỉnh Cao Bằng; có ông Hoàng Thanh B1, chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N; có mặt.

Người làm chứng:

- Nông Thị D1, sinh năm 1978;
- Nông Thị L, sinh năm 1989;
- Ma Thị T4, sinh năm 1987;
- Lý Thị Y, sinh năm 1977;
- Mông Thị N2, sinh năm 1983;
- Nông Thị L1, sinh năm 1989;
- Nông Thị C1, sinh năm 1985;
- Đàm Thị N3, sinh năm 1983;
- Sầm Thị N4, sinh năm 1978;
- Nông Thị X1, sinh năm 1979;
- Triệu Thị O, sinh năm 1984;

Cùng trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Đều vắng mặt.

- Hoàng Thị N5, sinh năm 2003; Trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
- Nông Thị L2, sinh năm 1983; Trú tại: Xóm B, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
- Trần Thị K1, sinh năm 1979; Trú tại: Xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
- Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.
- Mạc Thị N6, sinh năm 1968;
- Hà Ngọc C2, sinh năm 1992;

Cùng trú tại: Tổ B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng; Đều vắng mặt.

- Nông Thị K2, sinh năm 1992; Trú tại: Xóm P, xã P, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Nông Thị K3, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Nguyễn Thị L3, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Đinh Thị C3, sinh năm 1978; Trú tại: Xóm H, xã H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Mạc Huy K4, sinh năm 1996; Trú tại: Tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Triệu Quốc L4, sinh năm 1976;

- Nông Thị H1, sinh năm 1986;

- Ngô Sỹ T5, sinh năm 1985;

Cùng trú tại: Tổ D, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

- Nông Quốc T6, sinh năm 1966; Trú tại: Tổ C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Dương Thị N7, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Hành vi Mua bán trái phép hóa đơn của Phùng Quang S, Phùng Thị H*

Trung tâm thiết bị văn phòng T8 - Mã số thuế: 4800905478; địa chỉ: số nhà A, tổ B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng thành lập vào năm 2018, được cấp phép hoạt động kinh doanh các ngành nghề mua bán, sửa chữa máy vi tính, thiết bị văn phòng, điện tử, điện lạnh, nội thất, văn phòng phẩm, thiết bị trường học, camera, phông rèm, photocopy, điều hòa, hàng tạp hóa, thiết bị, công cụ vệ sinh môi trường, đồ gia dụng, in quảng cáo, máy nông nghiệp, thiết bị âm thanh, báo cháy, hệ thống mạng, cho thuê máy photo. Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Trung tâm T8 là bà Phùng Thị H. Tuy nhiên, các hoạt động của Trung tâm do Phùng Quang S (là anh chồng của H) điều hành, chỉ đạo.

Từ năm 2020 đến năm 2023, Phùng Thị H và Phùng Quang S đã có hành vi bán hóa đơn khống (không có hàng hóa thực tế một phần hoặc toàn bộ) cho một số cá nhân, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng để hưởng lợi. Cụ thể như sau:

Trong các tháng 7, 8/2022, Trung tâm T8 đã xuất khống 21 hóa đơn mua máy vi tính cho 13 người dân tại xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Những người này đều không được mua máy vi tính với Trung tâm T8 mà chỉ mua hóa đơn để hoàn thiện thủ tục vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, chương trình hỗ trợ mua máy tính cho học sinh. Giá trị hàng hóa ghi khống trên 21 hóa đơn

là: 212.000.000 đồng. Trong đó, có 20 hóa đơn, Trung tâm T9 với số tiền 400.000 đồng/hóa đơn; 01 hóa đơn bán với số tiền 480.000 đồng. Tổng số tiền Trung tâm T8 thu được khi xuất khống 21 hóa đơn là: 8.480.000 đồng. Số tiền này, Trung tâm T8 đã nộp T7 (bao gồm Thuế giá trị gia tăng và Thuế thu nhập cá nhân) 2.756.000 đồng, hưởng lợi 5.724.000 đồng.

Đối với Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N, tỉnh Cao Bằng: trong các năm 2021, 2022, 2023, Trung tâm T8 đã bán 08 hóa đơn khống cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N. Trong đó có 07 hóa đơn khống toàn bộ hàng hóa và 01 hóa đơn khống một phần hàng hóa. Gồm:

- Hóa đơn 0074548 ngày 17/4/2021, giá trị ghi trên hóa đơn 1.034.000 đồng;

- Hóa đơn 0061098 ngày 06/12/2021, giá trị ghi trên hóa đơn là 9.310.000 đồng;

- Hóa đơn 0061100 ngày 15/12/2021, giá trị ghi trên hóa đơn là 6.740.000 đồng;

- Hóa đơn số 287 ngày 31/10/2022, giá trị ghi trên hóa đơn là 6.400.000 đồng;

- Hóa đơn số 399 ngày 14/12/2022, giá trị ghi trên hóa đơn là 12.510.000 đồng;

- Hóa đơn số 489 ngày 27/12/2022, giá trị ghi trên hóa đơn là 10.000.000 đồng;

- Hóa đơn số 490 ngày 27/12/2022, giá trị ghi trên hóa đơn là 8.882.000 đồng;

- Hóa đơn số 39 ngày 27/03/2023, giá trị ghi trên hóa đơn là 13.000.000 đồng (hàng hóa thực tế là 3.450.000 đồng; số tiền khống là 9.550.000 đồng).

Tổng số tiền khống ghi trên 08 hóa đơn là 64.426.000 đồng. Hóa đơn khống toàn bộ hàng hóa Trung tâm thiết bị văn phòng T8 chiết khấu 10% giá trị ghi trên hóa đơn, hóa đơn khống một phần hàng hóa (hóa đơn số 39) Trung tâm thiết bị văn phòng T8 chiết khấu 10% giá trị hàng hóa khống. Theo đó, số tiền Trung tâm T8 đã chiết khấu đối với 08 hóa đơn là 6.442.600 đồng, phải nộp Thuế số tiền 834.260 đồng, được hưởng lợi số tiền 5.608.340 đồng.

Đối với Trung tâm Y tế huyện T, tỉnh Cao Bằng: tháng 6/2023, Nông Thị L2 là cán bộ Trung tâm Y tế huyện T đã nhờ Phùng Thị H viết khống 01 (một) hóa đơn photo (số 84 ngày 13/5/2023) trị giá 750.000 đồng để lấy tiền bù vào bữa cơm liên hoan của Chi hội Điều dưỡng Trung tâm Y tế huyện T. Sau khi Trung tâm Y tế huyện T thanh toán số tiền 750.000 đồng, H đã dùng tài khoản mở tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T chuyển cho L2 700.000 đồng, giữ lại 50.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền Thuế Trung tâm thiết bị văn phòng T8 phải nộp đối với hóa đơn số 84 ngày 13/5/2023 là 52.500 đồng nên Trung tâm T8 không được hưởng lợi đối với hóa đơn này.

Đối với Trường Trung học phổ thông huyện N, tỉnh Cao Bằng: từ năm 2021 đến năm 2022, Trung tâm T8 đã xuất khống cho Trường Trung học phổ thông huyện N 03 hóa đơn gồm:

Hóa đơn số 0074543 ngày 10/6/2021, giá trị ghi trên hóa đơn là 71.250.500 đồng;

Hóa đơn 332 ngày 17/11/2022, giá trị ghi trên hóa đơn 99.950.000 đồng;

Hóa đơn 401 ngày 14/12/2022, giá trị ghi trên hóa đơn 49.350.000 đồng.

Tổng giá trị hàng hóa ghi trên 03 hóa đơn là 220.550.500 đồng. Đây là các gói trang thiết bị văn phòng phục vụ giảng dạy của Trường Trung học phổ thông huyện N, do Trung tâm T10 (địa chỉ: tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) cung cấp. Tuy nhiên, khi nhà trường yêu cầu xuất hóa đơn để thanh toán thì Trung tâm T10 không xuất được hóa đơn do một số mặt hàng không có hóa đơn đầu vào nên Nguyễn Văn Đ (Nhân viên Trung tâm T10) đã nhờ Phùng Q1 Sở xuất hóa đơn khống cho Trường Trung học phổ thông huyện N. Với mỗi hóa đơn, Trung tâm T8 chiết khấu 3% giá trị ghi trên hóa đơn. Tổng số tiền Trung tâm T8 đối với 03 hóa đơn trên là 6.616.515 đồng, đã nộp Thuế số tiền: 3.166.108 đồng, được hưởng lợi số tiền: 3.450.407 đồng.

Đối với Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện N, tỉnh Cao Bằng: vào năm 2020 và năm 2022, Trung tâm T8 đã xuất cho UBND xã M, huyện N 02 hóa đơn khống trị giá 124.583.000 đồng. Gồm:

Hóa đơn số 0065687 ngày 29/5/2020, giá trị ghi trên hóa đơn là 88.448.000 đồng;

Hóa đơn 355 ngày 25/11/2022, giá trị ghi trên hóa đơn 36.135.000 đồng;

Hàng hóa trên 02 hóa đơn là biển nhà văn hóa, bảng tin, market, phông hội trường. Thực tế số hàng này do UBND xã M mua với Trung tâm T10 để cấp phát cho nhà văn hóa các xóm của xã M nhưng khi UBND xã M yêu cầu xuất hóa đơn để làm thủ tục thanh quyết toán thì Trung tâm T10 không xuất được hóa đơn nên đã nhờ Trung tâm T8 xuất hóa đơn cho UBND xã M. Trung tâm thiết bị văn phòng T8 đã chiết khấu đối với 02 hóa đơn khống là 3% giá trị ghi trên hóa đơn, tương đương số tiền 3.737.490 đồng, Trung tâm T8 phải nộp Thuế 1.796.475 đồng, được hưởng lợi số tiền: 1.941.015 đồng.

Đối với Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện T, tỉnh Cao Bằng: trong năm 2022, Trung tâm T8 xuất cho Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện T 04 hóa đơn khống, gồm:

Hóa đơn 237 ngày 07/10/2022, giá trị ghi trên hóa đơn: 9.755.000 đồng;

Hóa đơn 240 ngày 17/10/2022, giá trị ghi trên hóa đơn: 9.925.000 đồng;

Hóa đơn 422 ngày 16/12/2022, giá trị ghi trên hóa đơn: 9.800.000 đồng;

Hóa đơn 426 ngày 17/12/2022, giá trị ghi trên hóa đơn: 9.740.000 đồng;

Tổng số tiền ghi trên 04 hóa đơn là: 39.220.000 đồng. Toàn bộ hàng hóa trong các hóa đơn là đồ dùng bếp ăn cho học sinh, trang thiết bị văn phòng do Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện T mua ở cửa hàng T11 (địa chỉ: chợ thị trấn T) do bà Nguyễn Thị L3 (sinh năm 1985; trú tại tổ D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng) là chủ. Khi nhà trường yêu cầu cung cấp hóa đơn để thanh toán thì cửa hàng không xuất được hóa đơn nên bà L3 đã nhờ Phùng Thị H xuất khống 04 hóa đơn cho Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện T. H lấy 3% giá trị số tiền ghi trên hóa đơn. Tổng số tiền đã chiết khấu từ 04 hóa đơn khống là 1.176.600 đồng, sau khi nộp thuế 549.220 đồng, Trung tâm T8 được hưởng lợi: 627.380 đồng.

Đối với Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Q, tỉnh Cao Bằng: ngày 31/12/2021, Trung tâm T8 xuất cho Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Q hóa đơn số 0071742, giá trị ghi trên hóa đơn là 49.723.000 đồng. Trước đó, vào tháng 08/2021, Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Q thực hiện mua sắm văn phòng phẩm cho khối Trung học cơ sở với Doanh nghiệp tư nhân T12 (địa chỉ: phố K, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Đến cuối năm 2021, bà Đinh Thị C3 (Kế toán Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Q) mới yêu cầu xuất hóa đơn để thanh toán công nợ. Thời điểm này Doanh nghiệp T12 không thể xuất được hóa đơn nên Mạc Huy K4 (sinh năm 1996; trú tại tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng- Nhân viên kinh doanh của Doanh nghiệp T12) đã cung cấp bảng kê hàng hóa và đề nghị Trung tâm T8 xuất khống hóa đơn cho Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Q. Trung tâm T8 chiết khấu 3% giá trị ghi trên hóa đơn, tương đương số tiền 1.491.690 đồng. Hóa đơn số 0071742 được miễn Thuế Giá trị gia tăng và Thuế thu nhập cá nhân. Do đó, số tiền Trung tâm T8 được hưởng lợi đối với hóa đơn này là 1.491.690 đồng.

Đối với Trung tâm Y tế huyện Q, tỉnh Cao Bằng: năm 2022, Trung tâm T8 xuất cho Trung tâm Y tế huyện Q 01 hóa đơn khống số 503 ngày 27/12/2022, giá trị hóa đơn là 18.085.000 đồng. Thực tế các loại hàng hóa ghi trong hóa đơn được mua nhiều lần tại Trung tâm thương mại D2 (địa chỉ: thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng) từ tháng 7/2022 đến cuối năm 2022 để phục vụ cho K5 tư vấn và điều trị nghiện chất. Khi Trung tâm Y tế huyện Q yêu cầu xuất hóa đơn để thanh toán thì Trung tâm thương mại D2 không xuất được hóa đơn nên bà Nông Thị H1 (Kế toán của Trung tâm Y tế huyện Q) đã liên hệ mua với Trung tâm T8 mua 01 hóa đơn khống với số tiền 10% giá trị ghi trên hóa đơn, tương đương số tiền: 1.808.500 đồng. Số tiền này, sau nộp thuế 271.275 đồng, Trung tâm T8 còn được hưởng lợi: 1.537.225 đồng.

Trong quá trình điều tra, Phùng Quang S và Phùng Thị H thừa nhận hành vi bán trái phép hóa đơn của mình. Các hóa đơn Trung tâm thiết bị văn phòng T8 xuất ra đều được ghi chép vào sổ, đối với các hóa đơn khống thì Sở và H thống nhất ký hiệu chữ "N" bằng bút chì vào bên cạnh số hóa đơn, đến khi chiết khấu % tiền hóa đơn và thanh toán xong với bên mua sẽ dùng tẩy xóa ký hiệu chữ "N" đi nhằm tránh bị phát hiện. Các hóa đơn khống nhỏ lẻ, giá trị thấp, cá nhân trực tiếp đến Trung tâm thiết bị văn phòng T8 mua thì H thanh toán trực

tiếp; các hóa đơn giá trị lớn hoặc của các cơ quan, đơn vị thì S bảo H chiết khấu % tiền hóa đơn, sau đó rút tiền mặt để Sở trực tiếp trả cho bên mua hóa đơn. Số tiền hưởng lợi từ việc bán hóa đơn khống sẽ được chia đều nhau vào cuối năm.

**Hành vi Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nông Văn D và Phùng Tòn N*

Mở rộng điều tra vụ án Mua bán trái phép hóa đơn xảy ra tại Trung tâm T8, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C còn xác định được:

Phùng Tòn Nhất là Chuyên viên của Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N, tỉnh Cao Bằng từ ngày 01/7/2018, được lãnh đạo Phòng Kinh tế- Hạ tầng huyện N phân công kiêm nhiệm việc mua sắm văn phòng phẩm, máy móc phục vụ cho công tác của phòng. Từ năm 2021 đến năm 2023, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, Nông Văn D (nguyên Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N) đã chỉ đạo Phùng Tòn N mua hóa đơn bán hàng khống với Trung tâm T8 (là đơn vị thường xuyên cung cấp văn phòng phẩm cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N) để quyết toán giữ lại một số tiền từ nguồn kinh phí chi thường xuyên cấp cho Phòng. Theo đó, Phùng Tòn N đã liên hệ với Phùng Q1 Sở mua 08 hóa đơn với tổng số tiền khống là: 64.426.000 đồng. Cụ thể:

Năm 2021, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N mua với Trung tâm T8 03 hóa đơn bán hàng (số, ngày tháng năm ban hành, giá trị của từng hóa đơn đã nêu ở trên). Tổng giá trị hàng hóa ghi khống trên 03 hóa đơn là: 17.084.000 đồng.

Năm 2022, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N mua với Trung tâm T8 04 hóa đơn bán hàng (số, ngày tháng năm ban hành, giá trị của từng hóa đơn đã nêu ở trên). Tổng giá trị hàng hóa ghi khống trên 04 hóa đơn là: 37.792.000 đồng.

Năm 2023, Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N mua với Trung tâm thiết bị văn phòng An Phú hóa đơn bán hàng số 39 ngày 27/3/2023, số tiền ghi trên hóa đơn là 13.000.000 đồng. Đối với hóa đơn này, thực tế Trung Tâm T8 có cung cấp cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N một số hàng hóa trị giá 3.450.000 đồng, còn lại số tiền 9.550.000 đồng là khống.

Sau khi được Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N thanh toán hóa đơn vào trong tài khoản của Trung tâm T8, Phùng Quang S sẽ trừ tiền chiết khấu (10% giá trị ghi trên hóa đơn khống toàn bộ; 10% giá trị hàng hóa khống đối với hóa đơn khống một phần), sau đó rút tiền mặt và trực tiếp đưa số tiền còn lại cho Phùng Tòn N. Từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2023, Phùng Quang S đã 03 lần đưa tiền mặt cho Phùng Tòn N với tổng số tiền là 65.400.000 đồng (gồm cả tiền từ hóa đơn khống và tiền % từ các hóa đơn có hàng hóa thực tế). Trong đó: tháng 01/2023, Sở đưa cho N 25.400.000 đồng, thì có 17.010.000 đồng là tiền nhận lại từ hóa đơn khống số 278 và 399. Ngày 24/7/2023, Sở đưa cho N 24.400.000 đồng, trong đó có 17.000.000 đồng là tiền nhận lại từ 02 hóa đơn khống số 489; 490. Số tiền nhận lại từ Phùng Quang S, Nông Văn D chỉ đạo Phùng Tòn N đưa vào quỹ của Phòng để sử dụng chung cho các hoạt động của Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N như tiếp khách, thăm ốm, ủng hộ các loại

quỹ… Hành vi của Phùng Tòn N và Nông Văn D đã gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là: 63.591.740 đồng.

Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tích cực khắc phục hậu quả. Trong đó, Phùng Quang S và Phùng Thị H đã nộp mỗi người 15.000.000 đồng; Nông Văn D nộp số tiền 40.000.000 đồng; Phùng Tòn N nộp 30.000.000 đồng vào Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Ngày 16-4-2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 34/CT-VKSCB-P1 truy tố Phùng Quang S, Phùng Thị H về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Nông Văn D, Phùng Tòn N về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H, Nông Văn D, Phùng Tòn N đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Ông Hoàng Thanh B1, chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N trình bày: Căn cứ vào các văn bản về giao nguồn kinh phí chi thường xuyên cho phòng hàng năm chỉ dựa vào nguồn kinh phí chi thường xuyên, hành vi của Nông Văn D và Phùng Tòn N thực hiện thì thời điểm đó ông không công tác tại Phòng; hành vi của D và Nhất là thanh quyết toán tiền văn phòng từ nguồn kinh phí thường xuyên là để cho P1 sử dụng, không phải tư lợi cá nhân. Đề nghị Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phùng Quang S, Phùng Thị H về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Nông Văn D, Phùng Tòn N về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Phùng Quang S, Phùng Thị H, Nông Văn D, Phùng Tòn N về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H, đề nghị xử phạt: Bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H mỗi bị cáo từ 200.000.000đ – 250.000.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Nông Văn D, Phùng Tòn N, đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 24- 36 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

- *Đối với hành vi mua bán mua bán trái phép hóa đơn của* Phùng Quang S, Phùng Thị H: Truy thu khoản tiền thu lợi bất chính đối với Phùng Quang S, Phùng Thị H với tổng số tiền là 20.377.557 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Phùng Quang Sở phải nộp số tiền là 10.188.778,5 đồng.

+ Phùng Thị H phải nộp số tiền là 10.188.778,5 đồng.

- *Đối với hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nông Văn D, Phùng Tòn N:* Buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 63.591.740 đồng cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N, tỉnh Cao Bằng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

+ Nông Văn D phải bồi thường 31.795.870 đồng.

+ Phùng Tòn N phải bồi thường 31.795.870 đồng.

3. Xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng và các tài sản tạm giữ như sau:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Iphone màu xanh của Phùng Quang S, 01 điện thoại Iphone màu tím của Phùng Quang S; 01 Case máy tín trung tâm thiếu bị văn phòng T8.

4.Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, cả 04 bị cáo đều mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H, Nông Văn D, Phùng Tòn N và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Đối với hành vi của các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H: Xét lời khai của hai bị cáo tai giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp nhau; phù hợp với lời khai của những người mua hóa đơn và các tài liệu, chứng cứ khác như: các hóa đơn khống; Biên bản nhận diện, xác định hóa đơn khống; Biên bản kiểm tra trích xuất dữ liệu trên các điện thoại đã tạm giữ; Biên bản làm việc; Biên bản xác minh.

Đối với hành vi của các bị cáo Nông Văn D và Phùng Tòn N: Xét lời khai của các bị cáo tai giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp nhau; phù hợp với dữ liệu điện tử lưu trữ trong case máy tính và điện thoại di động của Phùng Quang S, Phùng Tòn N; các hóa đơn khống, sổ sách, giấy tờ viết vay của Phùng Quang S cùng các tài liệu, chứng cứ thu giữ được khi khám xét nơi làm việc cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ kết luận: Trung tâm T8 do Phùng Thị H là Giám đốc, nhưng các hoạt động của Trung tâm do Phùng Quang S điều hành, chỉ đạo. Từ năm 2020 đến năm 2023, Phùng Thị H và Phùng Quang S đã có hành vi bán 41 hóa đơn khống (không có hàng hóa thực tế toàn bộ hoặc một phần) cho một số cá nhân, cơ quan, đơn vị để hưởng lợi. Với mỗi hóa đơn, Trung tâm T8 chiết khấu từ 3% đến 10% giá trị ghi trên hóa đơn. Tổng giá trị ghi trên 41 hóa đơn khống là: 729.337.500 đồng. Tổng số tiền Trung tâm T8 đã chiết khấu đối với 41 hóa đơn là 29.803.395 đồng. Số tiền này, Trung tâm T8 đã nộp thuế 9.425.838 đồng, hưởng lợi số tiền: 20.377.557 đồng.

Vì vụ lợi, từ năm 2021 đến năm 2023, Nông Văn D và Phùng Tòn N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, làm trái công vụ, thực hiện hành vi mua 08 hóa đơn khống trang thiết bị văn phòng phẩm với Trung tâm T8 để lấy tiền chi tiêu cho các hoạt động chung của Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N, tỉnh Cao Bằng. Hành vi của hai bị cáo đã gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước tổng số tiền là: 63.591.740 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình gây nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm.

Hành vi xuất khống 41 hóa đơn đã ghi nội dung của Phùng Quang S, Phùng Thị H là nhằm mục đích vụ lợi từ việc mua, bán hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước, thu lợi bất chính số tiền 20.377.557 đồng. Hành vi đó đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Mua bán trái phép hóa đơn"* quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nông Văn D và Phùng Tòn N khi thực hiện hành vi phạm tội đang công tác tại Phòng Kinh tế- hạ tầng huyện N, tỉnh Cao Bằng, là những người hiểu biết pháp luật, nhận thức được việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; các bị cáo đã có hành vi mua hóa đơn khống, lập chứng từ khống trang thiết bị văn phòng phẩm với Trung tâm T8 để lấy tiền chi tiêu cho các hoạt động chung của Phòng kinh tế- Hạ tầng. Từ năm 2021 đến năm 2023 Nông Văn D và Phùng Tòn N đã có hành vi mua 08 hóa đơn khống, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 63.591.740 đồng. Hành vi của Nông Văn D và Phùng Tòn N đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa giữ nguyên

quyết định truy tố Phùng Quang S, Phùng Thị H về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự. Nông Văn D, Phùng Tòn N về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật, không oan.

Hành vi bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước của các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước.

Hành vi của các bị cáo Nông Văn D và Phùng Tòn Nhất là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, xâm hại đến hoạt động đúng đắn trong công tác quản lý nhà nước, làm mất uy tín của cơ quan nhà nước đối với quần chúng nhân dân.

Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo được đưa ra truy tố, xét xử là cần thiết để nhằm răn đe giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo và làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở địa phương.

Xét về vai trò của các bị cáo:

Đối với tội Mua bán mua bán trái phép hóa đơn: Hành vi Phùng Quang S, Phùng Thị H có yếu tố đồng phạm, cả 02 bị cáo đều cùng nhau thực hiện tội phạm, cùng hưởng lợi từ hành vi bán hóa đơn, tuy nhiên chỉ ở mức đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phùng Thị H là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Trung tâm T8; Phùng Quang S là người điều hành, chỉ đạo hoạt động của trung tâm, bị cáo H thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo của bị cáo S; như vậy vai trò của bị cáo Phùng Q1 Sở cao hơn bị cáo H.

Đối với tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nông Văn D, Phùng Tòn N: Hành vi các bị cáo có yếu tố đồng phạm giản đơn. Đối với Nông Văn D với cương vị là Trưởng phòng, chủ tài khoản của Phòng kinh tế hạ tầng chỉ đạo Phùng Tòn N làm trái công vụ gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, mặc dù số tiền lấy được từ ngân sách được đưa vào phục vụ chung cho các hoạt động của Phòng, tuy nhiên hành vi này là trái quy định pháp luật. Đối với Phùng Tòn N, chuyên viên phòng kinh tế hạ tầng, là người được giao việc mua sắm văn phòng phẩm của Phòng, lợi dụng vị trí được giao đã tham mưu đề xuất với Nông Văn D mua hóa đơn khống, lập chứng từ khống để thanh quyết toán từ ngân sách Nhà nước.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân*: Trước khi phạm tội các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H, Nông Văn D, Phùng Tòn N đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Không có.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*:

Các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ là *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nông Văn D, Phùng Tòn N đã nộp toàn bộ số tiền gây thiệt hại vào cơ quan Cục Thi hành án dân sự để khắc phục toàn bộ hậu quả của hành vi phạm tội; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do vậy, cả 02 bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là "*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả"*; *"Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H tại giai đoạn điều tra đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H trong quá trình sinh sống có làm công tác thiện nguyện, cụ thể: Cả 02 bị cáo có Thư cảm ơn của Phòng Văn hóa, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng trường mầm non xã T và trường THCS xã C; Hội nông dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn về việc ghi nhận đóng góp của các bị cáo số tiền 30.000.000đ ủng hộ các hộ nghèo, cận nghèo xã Đ, V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Các bị cáo Nông Văn D, Phùng Tòn N quá trình công tác hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; Nông Văn D được tặng nhiều Giấy khen, năm 2009 được Bộ trưởng, chủ nhiệm ủy ban dân tộc tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển các dân tộc, năm 2018 được Bộ X2 tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp xây dựng. Bị cáo Phùng Tòn N năm 2019, năm 2020 được BCH đoàn T13 tặng Giấy khen. Do vậy cả 04 bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra; vai trò, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy:

Đối với các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có thu nhập ổn định, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi do bản thân đã gây ra nên đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả đó. Do vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là Phạt tiền đối với cả 2 bị cáo cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Nông Văn D, Phùng Tòn N Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm sai trái, gây thiệt hại nguồn thu ngân sách Nhà nước, nhằm mục đích chi chung cho hoạt động của đơn vị. Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có quá trình công tác lâu năm tại Phòng Kinh tế - hạ tầng huyện N, tỉnh Cao Bằng, bị cáo D công tác từ năm 1995 đến tháng 3 năm 2023; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có

tình tiết tăng nặng, số tiền gây thiệt hại không lớn, các bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền để khắc phụ hậu quả; Do vậy, cần xem xét cho các bị cáo được áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung và không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú, giám sát và giáo dục cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Đối với các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không tiếp tục áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, các hình phạt bổ sung khác không cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Phùng Tòn N, Nông Văn D: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- *Đối với hành vi mua bán mua bán trái phép hóa đơn của Phùng Quang S, Phùng Thị H*: Cần truy thu khoản tiền thu lợi bất chính có được từ việc phạm tội của Phùng Quang S, Phùng Thị H với tổng số tiền là 20.377.557 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Phùng Quang Sở phải nộp số tiền là 10.188.778,5 đồng.

+ Phùng Thị H phải nộp số tiền là 10.188.778,5 đồng.

- *Đối với hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nông Văn D, Phùng Tòn N:* Buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 63.591.740 đồng cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N, tỉnh Cao Bằng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

+ Nông Văn D phải bồi thường 31.795.870 đồng.

+ Phùng Tòn N phải bồi thường 31.795.870 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại Iphone của Phùng Quang S, 01 điện thoại Iphone của Phùng Thị H, 01 Case máy tính trả lại cho Trung tâm T8 là phương tiện dùng vào việc thực hiện tội phạm thì cần tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với bên mua hóa đơn khống với Trung tâm T8; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C sẽ kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính theo Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về thuế, hóa đơn.

[9] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố:

+ Các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H phạm tội *"Mua bán trái phép hóa đơn"*

+ Các bị cáo Nông Văn D, Phùng Tòn N phạm tội *"Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ"*.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H, xử phạt:

+ Bị cáo **Phùng Quang S** - 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

+ Bị cáo **Phùng Thị H** - 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo Nông Văn D, Phùng Tòn N xử phạt:

+ Bị cáo **Nông Văn D** – 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 11/6/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Bị cáo **Phùng Tòn N** – 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 11/6/2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 587 và 589 của Bộ luật Dân sự.

- *Đối với hành vi mua bán mua bán trái phép hóa đơn của Phùng Quang S,* Phùng Thị H: Truy thu khoản tiền thu lợi bất chính đối với Phùng Quang S, Phùng Thị H với tổng số tiền là 20.377.557 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Phùng Quang Sở phải nộp số tiền là 10.188.778,5 đồng.

+ Phùng Thị H phải nộp số tiền là 10.188.778,5 đồng.

Xác nhận ngày 02/01/2024 bị cáo Phùng Thị H đã nộp số tiền 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000101 tại cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

Xác nhận ngày 02/01/2024 bị cáo Phùng Quang S đã nộp số tiền 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000102 tại cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng (người nộp thay là Phùng Quang T1) và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

- *Đối với hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Nông Văn D, Phùng Tòn N:* Buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 63.591.740 đồng cho Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện N, tỉnh Cao Bằng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

+ Nông Văn D phải bồi thường 31.795.870 đồng.

+ Phùng Tòn N phải bồi thường 31.795.870 đồng.

Xác nhận ngày 08/12/2023 bị cáo Phùng Tòn N đã nộp thay bị cáo thay Nông Văn D số tiền 40.000.000đ *(Bốn mươi triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000034 tại cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

Xác nhận ngày 08/12/2023 bị cáo Phùng Tòn N đã nộp số tiền 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000033 tại cơ quan Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng và số tiền này sẽ được khấu trừ khi thi hành án.

3. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 13, màu xanh, số I: 351942832806333, máy đã qua sử dụng thu giữ của Phùng Quang S.

+ 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu tím, số Imei: 351914968890225, may đã qua sử dụng thu giữ của Phùng Thị H.

+ 01 (một) Case máy tính FPT, mã số G53374-G6300 thu giữ tại Trung tâm T8, địa chỉ: Tổ B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng của Trung tâm T8.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 88 ngày 22-4-2024.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H, Nông Văn D, Phùng Tòn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Phùng Quang S, Phùng Thị H, Nông Văn D, Phùng Tòn N và Bị hại có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CQCSĐT Công an tỉnh CB (PC03);
- P.THAHS và HTTP Công an tỉnh CB (PC10).
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB (PV06);
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA (02);
- Cục THA dân sự tỉnh CB;
- Những NTGTT;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Biên Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

N8